

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định cụ thể về khoảng cách, địa bàn học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2005/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 21 TTr-SGDĐT ngày 04 tháng 8 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định cụ thể về khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong

ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định khoảng cách, địa bàn đối với học sinh, học viên được quy định tại khoản 2, 3 Điều 4 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách, không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng học sinh, học viên trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh bao gồm:

- a) Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông;
- b) Học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông;
- c) Học sinh dân tộc nội trú học trường phổ thông dân tộc nội trú; cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú.

Điều 2. Quy định cụ thể về khoảng cách, địa bàn

Học sinh, học viên thuộc đối tượng hưởng chính sách tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP có khoảng cách, địa bàn quy định tại phụ lục kèm theo Quyết định này, thì được hưởng chế độ quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú

1. Học sinh thuộc đối tượng ở mỗi cấp học được cấp một lần bằng hiện vật tối thiểu gồm: 01 chiếc Chăn, 01 chiếc Màn, 01 chiếc Ba lô, 01 chiếc Chiếu và các đồ dùng cá nhân khác.

2. Mỗi năm học, học sinh được cấp tối thiểu 01 chiếc Áo sơ mi dài tay; 01 chiếc Áo sơ mi ngắn tay; 01 chiếc Áo đồng phục mùa Đông hoặc 01 bộ Quần áo thể thao; Đồ dùng, dụng cụ cá nhân phục vụ học tập.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Dân tộc và Tôn giáo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký
Lê Xuân Lợi

PHỤ LỤC**ĐỊA BÀN CÓ ĐỊA HÌNH CÁCH TRỞ, GIAO THÔNG ĐI LẠI KHÓ KHĂN
HỌC SINH KHÔNG THỂ ĐI ĐẾN TRƯỜNG VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY**

(Kèm theo Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2025

của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Tên trường	Xã	Thôn	Khoảng cách từ nhà ở thôn đến trường	Địa hình và giao thông
A	TRƯỜNG TIỂU HỌC				
	Trường Tiểu học và THCS Phong Minh	Sa Lý	Nữn	< 4 km	Qua khe suối
B	TRƯỜNG THCS				
1	Trường PT bán trú THCS Dương Hưu				
		Dương Hưu	Bán	< 7 km	Qua suối, qua đèo, qua ngầm
		Dương Hưu	Đồng Riều	< 7 km	Qua suối, qua ngầm
		Dương Hưu	Mùng	< 7 km	Qua suối, qua ngầm
		Dương Hưu	Đồng Làng	< 7 km	Qua suối, qua ngầm
		Dương Hưu	Thán	< 7 km	Qua suối, qua ngầm
2	Trường PT bán trú THCS An Lạc				
		An Lạc	Nà Trắng	< 7 km	Qua suối, qua ngầm
		An Lạc	Đồng Khao	< 7 km	Qua suối, qua ngầm
		An Lạc	Thác	< 7 km	Qua suối, qua ngầm
		An Lạc	Đồng Dương	< 7 km	Qua suối, qua ngầm
		An Lạc	Đồng Bài	< 7 km	Qua suối, qua ngầm
		An Lạc	Kim Bảng	< 7 km	Qua suối, qua ngầm
3	Trường PT bán trú THCS Hộ Đáp				
		Sơn Hải	Hợp Thành	< 7 km	Qua suối, qua ngầm
		Sơn Hải	Na Hem	< 7 km	Qua suối, qua ngầm
		Sơn Hải	Cái Cạn	< 7 km	Qua suối, qua ngầm
4	Trường PT bán trú THCS Sơn Hải				

STT	Tên trường	Xã	Thôn	Khoảng cách từ nhà ở thôn đến trường	Địa hình và giao thông
		Sơn Hải	Tam Chẽ	< 7 km	Qua vùng sạt lở
		Sơn Hải	Cầu sắt	< 7 km	Qua hồ, qua ngầm
C	TRƯỜNG THPT				
1	Trường THPT Sơn Động số 1				
		An Lạc	Thia - Tu nim	< 10 km	Qua sông
		Sơn Động	Đồng Tàn	< 10 km	Qua sông suối
2	Trường THPT Phượng Sơn				
		Nghĩa Phương	Tòng Lệnh	< 10 km	Qua sông
		Nghĩa Phương	An Phúc	< 10 km	Qua sông
3	Trường THPT Lương Thế Vinh				
		Tân Sơn	Mấn	< 10 km	Qua ngầm, suối không có cầu